



Working Paper 2025.1.1.6

- Vol. 1, No. 1

**XU HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC CHUỖI CUNG ỨNG DỆT MAY TOÀN CẦU:
CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO CÁC DOANH NGHIỆP
NGÀNH DỆT MAY VIỆT NAM**

Phạm Trịnh Bảo Khang¹, Nguyễn Minh Hạnh, Vũ Thảo Vân, Tô Khánh Linh

Sinh viên K61 Kinh tế đối ngoại – Viện Kinh tế & Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Khánh Linh

Sinh viên K60 Kinh tế đối ngoại – Viện Kinh tế & Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Hoàng Thị Linh Giang

Sinh viên K60 Luật Thương mại Quốc tế – Khoa Luật

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Nguyễn Thị Vân Trang

Giảng viên Viện Kinh tế & Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Tóm tắt

Ngành dệt may toàn cầu hiện đang đối mặt với nhiều biến động kinh tế, xã hội và công nghệ, điều này làm nổi bật tầm quan trọng của việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng nhằm duy trì năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu về cách các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có thể tận dụng xu hướng tái cấu trúc này. Do đó, mục tiêu của nghiên cứu là phân tích các xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu, xác định những cơ hội

¹ Tác giả liên hệ, Email: k61.2214110175@ftu.edu.vn

và thách thức đối với ngành dệt may Việt Nam. Nghiên cứu áp dụng phương pháp định tính để khám phá các yếu tố thúc đẩy xu hướng tái cấu trúc như chuyển dịch sản xuất gần thị trường, số hóa chuỗi cung ứng và bền vững hóa sản xuất. Kết quả nghiên cứu cho thấy các doanh nghiệp dệt may Việt Nam có thể nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc chuyển đổi số, đa dạng hóa nguồn cung và đẩy mạnh phát triển bền vững. Tuy nhiên, các thách thức về nguồn lực và hạ tầng vẫn là trở ngại đáng kể. Hàm ý thực tiễn từ nghiên cứu này đề xuất các chiến lược cụ thể nhằm tối ưu hóa chuỗi cung ứng trong nước, bao gồm đầu tư vào công nghệ mới, tăng cường đào tạo nhân lực, và mở rộng quan hệ đối tác quốc tế để nâng cao khả năng thích ứng với thị trường toàn cầu.

Từ khóa: chuỗi cung ứng toàn cầu, dệt may, tái cấu trúc, xu hướng, Việt Nam.

GLOBAL TEXTILE AND GARMENT SUPPLY CHAIN RESTRUCTURING TRENDS: OPPORTUNITIES AND CHALLENGES FOR VIETNAMESE TEXTILE AND GARMENT ENTERPRISES

Abstract

The global textile and garment industry faces significant economic, social, and technological shifts, highlighting the importance of restructuring supply chains to maintain competitive capacity. However, a research gap remains on how Vietnamese textile and garment enterprises can capitalize on this restructuring trend. Therefore, this study aims to analyze global supply chain restructuring trends in the textile and garment industry, identifying the opportunities and challenges for the Vietnamese textile and garment sector. This study employs a qualitative approach to explore the key drivers behind restructuring trends, such as near-market production shifts, supply chain digitalization, and sustainable production. Findings reveal that Vietnamese textile and garment enterprises can enhance their competitiveness through digital transformation, supply diversification, and a stronger focus on sustainability. However, resource and infrastructure constraints remain significant barriers. Practical implications from this research suggest specific strategies to optimize domestic supply chains, including investing in new technologies, strengthening workforce training, and expanding international partnerships to increase adaptability in the global market.

Keywords: global supply chain, textile and garment, restructuring, relocating, trends, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, ngành dệt may toàn cầu đang đối mặt với những thách thức lớn và cơ hội mới do các biến động kinh tế, xã hội và công nghệ. Cụ thể, trong những năm gần đây, ngành dệt may đã chứng kiến sự thay đổi mạnh mẽ trong chuỗi cung ứng do nhiều yếu tố, bao gồm sự gián đoạn do đại dịch COVID-19, sự gia tăng nhu cầu về sản phẩm bền vững, và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ (Smith, 2023). Đại dịch COVID-19 đã làm nổi bật sự cần thiết phải cải thiện khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng và giảm thiểu các rủi ro từ các sự kiện không lường trước (Johnson, 2022). Bên cạnh đó, sự phát triển của các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo, blockchain và tự động hóa đang mở ra những cơ hội mới cho ngành dệt may,

cho phép các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng và đáp ứng nhanh chóng hơn với nhu cầu của thị trường (Brown, 2023).

Đối với các doanh nghiệp dệt may tại Việt Nam, việc hiểu rõ và nắm bắt các xu hướng toàn cầu trong tái cấu trúc chuỗi cung ứng là hết sức quan trọng. Việt Nam, với vai trò là một trung tâm sản xuất dệt may lớn và ngày càng phát triển, cần phải điều chỉnh chiến lược sản xuất và phân phối để tận dụng cơ hội và đối mặt với thách thức từ thị trường quốc tế (Nguyễn, 2024). Việc này không chỉ giúp các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường mà còn giúp họ giảm thiểu các rủi ro và cải thiện khả năng cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa và đổi mới công nghệ.

Nghiên cứu về xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu đã thu hút sự quan tâm đáng kể trong thời gian gần đây, nhờ vào những thay đổi sâu rộng trong nền kinh tế toàn cầu và sự phát triển của công nghệ. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng không chỉ là một yêu cầu cấp thiết để cải thiện hiệu quả và khả năng phục hồi mà còn là yếu tố quyết định để duy trì tính cạnh tranh trong ngành dệt may (Smith, 2023; Xu và cộng sự, 2023). Đại dịch COVID-19 đã làm nổi bật những điểm yếu trong các chuỗi cung ứng toàn cầu và thúc đẩy nhiều nghiên cứu về khả năng phục hồi chuỗi cung ứng. Johnson (2022) phân tích rằng đại dịch đã làm gián đoạn nghiêm trọng các chuỗi cung ứng và chỉ ra rằng các doanh nghiệp cần phải điều chỉnh chiến lược để đảm bảo sự bền vững và ổn định. Kumar và Gupta (2022) cũng đã chỉ ra rằng các chiến lược ứng phó linh hoạt, bao gồm việc sử dụng công nghệ và cải thiện quản lý rủi ro, là cần thiết để các doanh nghiệp có thể duy trì hoạt động trong thời gian khủng hoảng. Cụ thể, công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và tự động hóa đang được nghiên cứu để cải thiện chuỗi cung ứng dệt may.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về chuỗi cung ứng dệt may đã chỉ ra rằng việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng là cần thiết để nâng cao hiệu quả và cạnh tranh. Nguyễn (2024) phân tích rằng việc áp dụng các công nghệ mới và cải thiện quy trình sản xuất là yếu tố quan trọng để tăng cường khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. Lê và Nguyễn (2024) bổ sung rằng việc cải thiện quy trình quản lý kho bãi và giảm thời gian giao hàng là những yếu tố then chốt giúp các doanh nghiệp duy trì vị thế trên thị trường quốc tế.

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng nghiên cứu vẫn còn một số khoảng trống nghiên cứu quan trọng còn tồn tại. Vậy nên, nghiên cứu này với mục đích nghiên cứu xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu với những cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp ngành dệt may Việt Nam bằng phương pháp nghiên cứu định tính để xây dựng cơ sở lý luận về chuỗi cung ứng và tái cấu trúc chuỗi cung ứng trong ngành dệt may, phân tích các xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu và nguyên nhân và tìm hiểu thực trạng ngành dệt may Việt Nam từ đó đưa ra cơ hội, thách thức và giải pháp.

2. Cơ sở lý luận về chuỗi cung ứng và tái cấu trúc chuỗi cung ứng trong ngành dệt may

2.1. Chuỗi cung ứng ngành dệt may toàn cầu

Chuỗi cung ứng trong ngành dệt may đề cập đến toàn bộ quá trình từ việc thu mua nguyên liệu thô đến khi sản phẩm hoàn thiện đến tay người tiêu dùng. Theo Batool và Akbar (2023), chuỗi cung ứng dệt may không chỉ bao gồm các hoạt động sản xuất và vận chuyển mà còn bao gồm các hoạt động hỗ trợ như quản lý chất lượng, kiểm soát tồn kho và dịch vụ khách hàng. Các nghiên cứu chỉ ra rằng một hệ thống chuỗi cung ứng hiệu quả không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất mà còn cải thiện khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong thị trường toàn cầu (Attia, 2023). Abudaqa và cộng sự (2020) cho rằng việc áp dụng các hệ thống thông tin tiên tiến và công nghệ tự động hóa giúp các công ty trong ngành dệt may cải thiện khả năng dự đoán nhu cầu, quản lý tồn kho và điều phối hoạt động sản xuất, từ đó tăng cường khả năng phản ứng với nhu cầu của thị trường và nâng cao hiệu quả tổng thể của chuỗi cung ứng. Việc cải thiện các quy trình này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động mà còn gia tăng khả năng phản ứng nhanh chóng với các thay đổi trong nhu cầu của thị trường toàn cầu.

Hơn nữa, trong bối cảnh hiện tại, các doanh nghiệp dệt may ngày càng chú trọng đến các yếu tố bền vững trong chuỗi cung ứng của mình. Các nghiên cứu cho thấy việc áp dụng các thực tiễn bền vững, như giảm tiêu thụ tài nguyên, quản lý chất thải và đảm bảo điều kiện lao động công bằng, đã trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược quản lý chuỗi cung ứng (González-Gallego và cộng sự, 2015). Việc tích hợp các yếu tố bền vững vào mô hình chuỗi cung ứng không chỉ giúp đáp ứng các yêu cầu về môi trường và xã hội mà còn nâng cao giá trị thương hiệu và sự chấp nhận của người tiêu dùng (Batool & Akbar, 2023). Theo các nghiên cứu hiện tại, quản lý chuỗi cung ứng toàn diện và chiến lược sẽ quyết định sự thành công và bền vững của các doanh nghiệp trong ngành dệt may toàn cầu (Attia, 2023).

2.2. Tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu

Tái cấu trúc chuỗi cung ứng là một quá trình thay đổi quan trọng nhằm cải thiện cấu trúc và chiến lược chuỗi cung ứng để gia tăng tính linh hoạt, khả năng thích ứng, và giảm thiểu rủi ro. Trong ngành dệt may, tái cấu trúc chuỗi cung ứng trở nên cần thiết do các thay đổi nhanh chóng của thị trường và những cú sốc lớn từ các yếu tố toàn cầu (MacCarthy & Jayarathne, 2010). Tái cấu trúc bao gồm các biện pháp như điều chỉnh chiến lược quản lý kho bãi, tái phân bổ nguồn cung và thay đổi mạng lưới vận tải để đảm bảo hàng hóa đến tay người tiêu dùng nhanh chóng và an toàn hơn (Grant, 2005).

Các yếu tố chính thúc đẩy quyết định tái cấu trúc chuỗi cung ứng bao gồm toàn cầu hóa, công nghệ và chính sách bền vững. Toàn cầu hóa giúp các doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất và tối ưu chi phí thông qua việc sản xuất tại các quốc gia có chi phí thấp hơn, nhưng nó cũng tạo ra rủi ro lớn về sự phụ thuộc vào các khu vực nhất định (Priya & Vivek, 2016). Đặc biệt, đại dịch COVID-19 đã cho thấy tính dễ tổn thương của chuỗi cung ứng toàn cầu, thúc đẩy các doanh nghiệp ngành dệt may phải xem xét lại chiến lược phân bổ sản xuất để tăng cường tính ổn định (Johnson, 2022). Ngoài ra, sự phát triển của công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và tự động hóa không chỉ tạo cơ hội nâng cao hiệu quả sản xuất mà còn cung cấp khả năng theo dõi sản phẩm, đảm bảo tính minh bạch và chất lượng sản phẩm cuối cùng (Brown, 2023). Các yếu tố về bền vững ngày càng trở nên quan trọng khi các doanh nghiệp phải tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và xã hội ngày càng cao nhằm đáp ứng kỳ vọng của người tiêu dùng và các quy định pháp lý (Deloitte, 2022).

Hai yếu tố chính ảnh hưởng đến quyết định tái cấu trúc chuỗi cung ứng trong ngành dệt may là công nghệ và nhu cầu thị trường.

Công nghệ

Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đã thay đổi cơ bản cách thức quản lý và vận hành chuỗi cung ứng. Tự động hóa và ứng dụng AI trong sản xuất đã giúp cải thiện hiệu quả, giảm thiểu lãng phí và tăng tốc độ sản xuất, trong khi blockchain giúp theo dõi sản phẩm và đảm bảo tính minh bạch trong chuỗi cung ứng (Li và cộng sự, 2023). Các doanh nghiệp dệt may hiện nay không chỉ áp dụng công nghệ để tối ưu hóa sản xuất mà còn sử dụng chúng để đáp ứng nhu cầu đa dạng và yêu cầu ngày càng cao của khách hàng (MIT Sloan, 2020).

Nhu cầu thị trường

Thị trường dệt may toàn cầu đang có sự chuyển dịch nhanh chóng do sự thay đổi trong hành vi tiêu dùng. Người tiêu dùng ngày nay đòi hỏi các sản phẩm cá nhân hóa, chất lượng cao, và thân thiện với môi trường (Liu và cộng sự, 2022; Tayal và cộng sự, 2023). Để đáp ứng yêu cầu này, các doanh nghiệp phải điều chỉnh quy trình sản xuất linh hoạt và nhanh chóng hơn, áp dụng các mô hình sản xuất mới như sản xuất theo yêu cầu (on-demand production) và mô hình chuỗi cung ứng lean (tinh gọn) (MacCarthy và cộng sự, 2016). Những mô hình này cho phép doanh nghiệp điều chỉnh kịp thời theo biến động thị trường và giảm thiểu tình trạng tồn kho không cần thiết, từ đó cải thiện khả năng phản ứng và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

3. Xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu

3.1. Chuyển đổi chuỗi cung ứng truyền thống sang chuỗi cung ứng số

Chuyển đổi chuỗi cung ứng truyền thống sang chuỗi cung ứng số là quá trình tích hợp các công nghệ tiên tiến như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và phân tích dữ liệu lớn để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, tăng cường minh bạch và nâng cao khả năng phản hồi trong chuỗi cung ứng. Quá trình này không chỉ cải thiện cách thức quản lý dòng sản phẩm mà còn định hình lại toàn bộ mô hình chuỗi cung ứng, từ cách tiếp cận tuyến tính truyền thống sang mô hình tích hợp theo thời gian thực. Điều này giúp giảm sự phụ thuộc vào các quy trình thủ công, đồng thời tạo ra giá trị mới cho các bên liên quan (Hasan & Habib, 2023).

Các đặc điểm nổi bật của chuỗi cung ứng số bao gồm khả năng minh bạch thông tin, được hỗ trợ bởi các công nghệ như blockchain, giúp theo dõi xuất xứ, trạng thái và chất lượng sản phẩm từ nguồn nguyên liệu đến tay người tiêu dùng (Tan và cộng sự, 2022). Bên cạnh đó, việc áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và học máy cho phép doanh nghiệp dự đoán chính xác nhu cầu, tối ưu hóa tồn kho và quản lý rủi ro hiệu quả hơn, qua đó giúp họ phản hồi nhanh chóng với các thay đổi của thị trường (Cannas và cộng sự, 2023). Hơn nữa, IoT và các cảm biến thông minh cải thiện khả năng giám sát và quản lý quy trình vận hành theo thời gian thực, đồng thời tăng cường sự phối hợp giữa các đối tác trong chuỗi cung ứng, đảm bảo dòng chảy thông tin được duy trì xuyên suốt (Vass và cộng sự, 2020). Cuối cùng, quá trình chuyển đổi số còn hỗ trợ giảm khí thải carbon, nâng cao trách nhiệm xã hội và đảm bảo các tiêu chuẩn bền vững nhờ vào vai trò quan trọng của AI và blockchain trong việc cung cấp thông tin minh bạch và tối ưu

hóa việc sử dụng tài nguyên (Pal, 2023). Tất cả những yếu tố này giúp doanh nghiệp không chỉ thích nghi với xu thế toàn cầu hóa mà còn xây dựng chuỗi cung ứng linh hoạt, minh bạch và bền vững hơn.

Xu hướng này xuất phát từ bốn động lực chính. Đầu tiên, sự phát triển của xu hướng này bắt nguồn từ thái độ ngày càng khắt khe của người tiêu dùng về tính minh bạch trong sản xuất. Theo kết quả một cuộc khảo sát năm 2021 do The Org thực hiện tại Hoa Kỳ được đề cập trong bài phân tích của chuyên gia đăng tải trên trang NielsenIQ (2021), 84% thế hệ Millennials (Gen Y) cho biết họ sẽ trung thành hơn với một thương hiệu nếu họ biết rằng thương hiệu đó minh bạch. Trong kỷ nguyên số hóa, khi mọi thông tin đều có thể được kiểm chứng, việc chứng minh tuân thủ các tiêu chuẩn bền vững và trách nhiệm xã hội trở thành yếu tố then chốt trong việc xây dựng niềm tin với khách hàng.

Thứ hai là áp lực cạnh tranh toàn cầu và nhu cầu về sản phẩm nhanh, chất lượng cao. Trong bối cảnh thương mại điện tử bùng nổ, các doanh nghiệp buộc phải tăng tốc độ sản xuất và nâng cao chất lượng để đáp ứng kỳ vọng của khách hàng. Điển hình như Zara đã áp dụng mô hình "just-in-time" kết hợp với tự động hóa để rút ngắn thời gian từ thiết kế đến thị trường chỉ còn vài tuần.

Thứ ba là tình trạng thiếu hụt lao động trong ngành, đặc biệt là lao động thủ công. Theo báo cáo The State of Fashion của McKinsey (2023), nhiều khu vực, nhất là Đông Nam Á, đang đối mặt với sự sụt giảm mạnh về nguồn nhân lực dệt may. Điều này thúc đẩy các nhà sản xuất tìm đến giải pháp tự động hóa như robot và máy móc thông minh. Ví dụ, các nhà máy ở Bangladesh đã bắt đầu sử dụng robot trong công đoạn cắt và may, trong khi Nike và Adidas tiên phong ứng dụng công nghệ tự động để sản xuất sản phẩm tùy chỉnh.

Thứ tư là sự phát triển vượt bậc của trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence - AI) và Internet vạn vật (Internet of Things - IoT) trong những năm gần đây. AI với khả năng phân tích dữ liệu lớn và học máy giúp doanh nghiệp nắm bắt xu hướng tiêu dùng và tối ưu hóa sản xuất chính xác hơn. Song song đó, IoT với hệ thống cảm biến thông minh cho phép giám sát quy trình sản xuất theo thời gian thực, tăng cường hiệu quả và phát hiện sự cố kịp thời.

Tuy nhiên, xu hướng này cũng đặt ra thách thức lớn về nguồn nhân lực, nguồn tài chính và vấn đề bảo mật. Nhu cầu về lao động có kỹ năng công nghệ cao tăng mạnh, trong khi nhiều lao động hiện tại có nguy cơ mất việc do không đáp ứng được yêu cầu mới. Điều này đòi hỏi cả doanh nghiệp và người lao động phải chủ động trong việc đào tạo và nâng cao năng lực để thích ứng với làn sóng tự động hóa đang diễn ra mạnh mẽ trong ngành. Việc đảm bảo quyền riêng tư khi lưu trữ thông tin công khai cũng đòi hỏi các doanh nghiệp phải cân nhắc kỹ lưỡng giữa tính minh bạch và bảo vệ thông tin nhạy cảm. Bên cạnh đó, để triển khai thành công, các công ty cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ, đào tạo nhân viên về quản lý thông tin trên blockchain và xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong ngành. Những yêu cầu này có thể tạo ra rào cản đáng kể về mặt tài chính và kỹ thuật, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành dệt may.

Xu hướng này thể hiện rõ trong đời sống hiện nay, đặc biệt là trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 đang tạo ra những biến chuyển mạnh mẽ trong chuỗi cung ứng dệt may,

từ thiết kế đến sản xuất và quản lý. Trong khâu thiết kế, các công nghệ quang học và cảm biến được ứng dụng để thu thập số đo cơ thể, hỗ trợ cá nhân hóa sản phẩm. Máy dệt kim 3D cho phép tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh mà không cần qua công đoạn may. Đặc biệt, trí tuệ nhân tạo đang được áp dụng trong nhiều khâu như dự đoán màu sắc phù hợp cho nhuộm, phân loại lỗi thông qua xử lý ảnh và mạng nơ-ron mờ. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ blockchain và các phần mềm quản lý thông minh như ERP (Enterprise Resource Planning – Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp), PLM (Product Lifecycle Management - Quản lý vòng đời sản phẩm) đang được triển khai rộng rãi để tối ưu hóa quản lý nguồn lực, vòng đời sản phẩm và đồng thời thực hiện mục tiêu minh bạch chuỗi cung ứng. Blockchain đang định hình lại cách thức vận hành của chuỗi cung ứng dệt may theo hướng minh bạch và tin cậy hơn. Các thương hiệu lớn như Everlane và H&M đang tiên phong trong việc triển khai công nghệ này để theo dõi toàn bộ hành trình sản phẩm. Thông qua hệ thống mã QR và mã vạch độc nhất, blockchain cho phép truy xuất chi tiết về nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất và vị trí nhà máy. Công nghệ này còn giúp giám sát chất lượng sản phẩm trong quá trình vận chuyển, ngăn chặn hàng giả và tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ dữ liệu giữa các bên liên quan.

3.2. Chuyển đổi chuỗi cung ứng truyền thống sang chuỗi cung ứng bền vững

Xu hướng chuyển đổi sang chuỗi cung ứng bền vững nhằm đảm bảo phát triển lâu dài và thực hiện trách nhiệm xã hội trong chuỗi cung ứng dệt may hiện nay phản ánh sự thay đổi trong nhận thức của người tiêu dùng và áp lực từ các tổ chức môi trường.

Nguyên nhân chính của xu hướng này xuất phát từ việc người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến nguồn gốc và tác động môi trường của sản phẩm mà họ tiêu thụ. Sự gia tăng nhận thức về vấn đề biến đổi khí hậu, ô nhiễm và điều kiện lao động không công bằng đã khiến người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn những sản phẩm có nguồn gốc minh bạch và đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững. Việc cung cấp thông tin rõ ràng về nguyên liệu tái chế, và cam kết bảo vệ môi trường từ các thương hiệu không chỉ giúp xây dựng lòng tin mà còn tạo ra sức ép đáng kể lên các doanh nghiệp phải điều chỉnh hoạt động của họ theo hướng thân thiện và có trách nhiệm hơn. Do đó, người tiêu dùng đang ngày càng trở thành động lực thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển mình sang các thực hành bền vững hơn trong chuỗi cung ứng. Theo kết quả cuộc khảo sát năm 2022 của IBM Institute for Business Value (IBV) trên hơn 16.000 người tại 10 quốc gia, khoảng 50% người tiêu dùng cho biết họ sẵn sàng trả thêm tiền cho các sản phẩm có tính bền vững hoặc cho thương hiệu có trách nhiệm xã hội. Điều này đã thúc đẩy các nhà sản xuất dệt may phải xem xét lại quy trình sản xuất của mình để đảm bảo tính bền vững.

Bên cạnh đó, các quy định pháp lý ngày càng nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường và quyền lợi của người lao động cũng là một yếu tố quan trọng. Nhiều quốc gia và khu vực đã ban hành các luật lệ yêu cầu doanh nghiệp phải tuân thủ các tiêu chuẩn cao hơn về môi trường, như giảm thiểu phát thải khí carbon, xử lý chất thải, và sử dụng nguyên liệu bền vững. Đồng thời, các quy định về điều kiện lao động cũng được siết chặt, yêu cầu các doanh nghiệp phải đảm bảo quyền lợi cho người lao động, bao gồm các vấn đề như tiền lương công bằng, giờ làm việc hợp lý và môi trường làm việc an toàn. Những quy định này không chỉ tạo ra áp lực buộc các doanh nghiệp phải thay đổi và cải thiện quy trình sản xuất, mà còn khuyến khích họ tìm kiếm các giải pháp sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và tuân thủ luật pháp, từ đó thúc đẩy thực

hiện các cam kết bền vững hơn trong chuỗi cung ứng. Ví dụ, Liên minh châu Âu đã đưa ra các quy định về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, yêu cầu các công ty phải báo cáo về các hoạt động bền vững của mình.

Xu hướng này thể hiện qua việc ngày càng nhiều các doanh nghiệp áp dụng các phương pháp sản xuất thân thiện với môi trường, như sử dụng nguyên liệu tái chế, giảm thiểu chất thải và tiết kiệm nước. Nhiều công ty dệt may đã bắt đầu chuyển sang sử dụng sợi hữu cơ hoặc sợi tái chế, như H&M và Adidas, những thương hiệu này đã tham gia thử thách “2025 Recycled Polyester Challenge” cam kết nâng tỷ trọng tiêu thụ sợi Polyester tái chế trên toàn cầu đến năm 2025 và sử dụng 100% nguyên liệu tái chế trong sản phẩm của họ vào năm 2030. Xu hướng phát triển bền vững có tác động rất lớn đến chuỗi cung ứng dệt may. Nó không chỉ giúp cải thiện hình ảnh thương hiệu mà còn tạo ra lợi thế cạnh tranh trong thị trường ngày càng khắt khe. Các công ty có trách nhiệm xã hội cao thường thu hút được nhiều khách hàng hơn và có thể duy trì mối quan hệ tốt hơn với các nhà cung cấp và cộng đồng. Các công ty cần phải đầu tư vào công nghệ xanh, đào tạo nhân viên về trách nhiệm xã hội và hợp tác với các tổ chức phi chính phủ để nâng cao nhận thức và thực hiện các sáng kiến bền vững.

3.3. Nearshoring

Chuyển đổi chuỗi cung ứng truyền thống sang chuỗi cung ứng bền vững là quá trình tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế vào mọi khâu của chuỗi cung ứng nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và đảm bảo trách nhiệm xã hội. Quá trình này không chỉ giới hạn ở việc giảm thiểu khí thải hoặc sử dụng nguyên liệu tái chế mà còn bao gồm các sáng kiến như tích hợp vòng đời sản phẩm, tái sử dụng tài nguyên, và áp dụng công nghệ xanh như blockchain, Internet vạn vật (IoT), hoặc phân tích dữ liệu lớn để cải thiện hiệu quả vận hành (Stroumpoulis & Kopanaki, 2022).

Một số đặc điểm nổi bật của chuỗi cung ứng bền vững bao gồm việc thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng có trách nhiệm, xây dựng các hệ thống tuần hoàn nhằm tái chế và tái sử dụng vật liệu, đồng thời nâng cao sự minh bạch trong quản lý chuỗi cung ứng thông qua các công nghệ tiên tiến. Đặc biệt, các doanh nghiệp có thể tận dụng quá trình chuyển đổi số để tối ưu hóa việc quản lý tài nguyên, giảm chi phí vận hành và cải thiện khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về tính bền vững từ người tiêu dùng và các bên liên quan khác (Oubrahim và cộng sự, 2023). Xu hướng nearshoring chuyển sản xuất về gần thị trường tiêu thụ hay gần nước chính quốc ngày càng phổ biến và được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng. Mục tiêu của việc chuyển dịch sản xuất gần bờ là đưa các trung tâm sản xuất thuê ngoài lại gần nhau hơn và giảm bớt sự hỗn loạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Đối với nhiều công ty, nearshoring kết hợp những ưu điểm của cả onshore outsourcing và offshore outsourcing vì nó cung cấp một nền văn hóa, sự gần gũi và ngôn ngữ tương tự với thương hiệu, nhưng với chi phí phải chăng hơn. Một số lợi thế chính của nearshoring bao gồm chi phí lao động ít tốn kém hơn, sự thống nhất về văn hóa và loại bỏ những rào cản ngôn ngữ, khoảng cách địa lý, chênh lệch múi giờ.

Có nhiều yếu tố thúc đẩy xu hướng chuyển dịch sản xuất này. Đầu tiên, đại dịch COVID-19 đã phơi bày những lỗ hổng trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến các doanh nghiệp nhận ra sự cần thiết phải đa dạng hóa và rút ngắn chuỗi cung ứng. Thứ hai, chi phí vận chuyển tăng cao, đặc biệt là đối với hàng hóa từ Trung Quốc, đã khiến việc sản xuất gần thị trường trở nên

hấp dẫn hơn. Cuối cùng, các chính sách thương mại bảo hộ và căng thẳng địa chính trị cũng thúc đẩy các doanh nghiệp tìm kiếm các địa điểm sản xuất mới. Việc chuyển dịch sản xuất không chỉ mang lại lợi ích cho các doanh nghiệp mà còn tác động đến nền kinh tế và xã hội của các quốc gia.

Trong những năm gần đây, nhận thức về tầm quan trọng của việc sản xuất gần thị trường đã có những bước tiến đáng kể. Nghiên cứu của Deloitte năm 2022 cho thấy, hơn 64% người dân tin rằng việc sản xuất gần thị trường chính quốc mang lại nhiều lợi ích hơn, tăng gần 50% so với 5 năm trước (Reyes và cộng sự, 2022). Theo nghiên cứu của Boston Consulting Group công bố năm 2023, hơn 90% các công ty sản xuất tại Bắc Mỹ đã tiến hành chuyển dịch một phần hoặc toàn bộ dây chuyền sản xuất và chuỗi cung ứng (Wyck et al, 2023). Điều này cho thấy một xu hướng rõ ràng: các doanh nghiệp đang ngày càng ưu tiên việc rút ngắn chuỗi cung ứng và sản xuất gần hơn với thị trường tiêu thụ.

3.4. Reshoring

Reshoring liên quan đến việc di dời các quy trình sản xuất và hoạt động từ các địa điểm ngoài khơi trở về quốc gia của công ty. Xu hướng này đại diện cho việc tái thiết chiến lược chuỗi cung ứng toàn cầu hóa và các chiến lược tìm nguồn cung ứng. Sự thay đổi trong chiến lược không chỉ giúp chuỗi cung ứng đơn giản hơn mà còn giúp kiểm soát chất lượng, thực hiện thay đổi và cắt giảm thời gian giao hàng dễ dàng hơn, tất cả đều giúp chuỗi cung ứng trở nên linh hoạt hơn về tổng thể.

Khi bối cảnh kinh doanh toàn cầu tiếp tục phát triển, chiến lược reshoring sẽ đóng vai trò then chốt trong việc tăng cường khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng và thúc đẩy hoạt động kinh doanh bền vững. Các công ty có thể xây dựng chuỗi cung ứng linh hoạt và mạnh mẽ có thể xử lý các vấn đề trong tương lai và tiếp tục cung cấp hàng hóa và dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng trên toàn thế giới bằng cách tập trung vào sản xuất tại địa phương, khuyến khích các ý tưởng mới và đáp ứng nhu cầu thay đổi của thị trường.

Các quốc gia như Vương quốc Anh đã nắm bắt xu hướng này và theo một cuộc khảo sát của nhóm công nghiệp Make UK, 40% nhà sản xuất cho biết họ đã tìm nguồn cung ứng nhiều hàng hóa hơn trong nước trong năm qua và cũng có khoảng tỷ lệ tương tự có kế hoạch làm như vậy trong năm tới. Tại Hoa Kỳ, dữ liệu được Statista công bố năm 2023 cho thấy từ năm 2010 đến năm 2022, khoảng 52% các công ty sản xuất đang chuyển sản xuất về nước đã sản xuất các sản phẩm công nghệ cao. Theo một báo cáo của Reshoring Initiative, năm 2022 là một năm kỷ lục tại Hoa Kỳ, với hơn 364.000 việc làm sản xuất mới được tạo ra. Đây là mức cao kỷ lục, tăng 53% so với năm 2021 (Moser, 2022).

3.5. Đa dạng hóa chuỗi cung ứng

Đa dạng hóa chuỗi cung ứng có nghĩa là phát triển tính linh hoạt và dự phòng để giảm thiểu rủi ro và tăng tính nhanh nhẹn. Chuỗi cung ứng đa dạng không chỉ là việc mở rộng mạng lưới nhà cung cấp và kênh phân phối mà còn là một chiến lược cốt lõi nhằm tăng cường khả năng thích ứng và phục hồi chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Bằng cách phân tán rủi ro và tăng cường tính linh hoạt, chuỗi cung ứng đa dạng giúp doanh nghiệp thích ứng nhanh chóng

trước những biến động bất ngờ của thị trường, từ đó đảm bảo sự ổn định và bền vững trong kinh doanh.

"Trung Quốc + 1" là một chiến lược điển hình trong xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng. Chiến lược này xuất phát từ nhu cầu đa dạng hóa sản xuất và giảm sự phụ thuộc vào một quốc gia duy nhất, khuyến khích các nhà đầu tư đa dạng hóa các khoản đầu tư của họ không chỉ bằng cách đầu tư vào Trung Quốc mà còn lựa chọn danh mục đầu tư đa dạng hơn thông qua các khoản đầu tư vào nhiều quốc gia ASEAN. Ban đầu được thúc đẩy bởi các yếu tố địa chính trị như căng thẳng Mỹ-Trung, chiến lược này ngày càng được ưa chuộng do những thay đổi trong môi trường kinh doanh toàn cầu, như đại dịch Covid-19 và sự thay đổi trong lợi thế cạnh tranh của các quốc gia.

Cuộc khủng hoảng chuỗi cung ứng đã khiến các chính trị gia chuyển hướng sang mô hình "onshore", tập trung vào phát triển ngành công nghiệp nội địa thông qua các ưu đãi tài chính. Tuy nhiên, nghiên cứu năm 2021 cho thấy điều này có thể làm tăng chi phí cho người tiêu dùng và gây tổn thất cho nền kinh tế (Optimas, 2021). Một giải pháp hợp lý hơn là đa dạng hóa chuỗi cung ứng qua "nearshoring" và tìm kiếm các quốc gia khác có thể cung cấp giải pháp kinh tế khả thi. Phân bổ sản xuất và vận chuyển trên nhiều quốc gia sẽ giảm thiểu rủi ro do các yếu tố tự nhiên hoặc chính trị gây ra. Các tổ chức phát triển có thể khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào nỗ lực này. Cuộc khủng hoảng do đại dịch đã thúc đẩy các nền kinh tế lớn cam kết đa dạng hóa các chuỗi cung ứng quan trọng để bảo vệ lợi ích quốc gia.

4. Cơ hội và thách thức cho ngành dệt may Việt Nam

Ngành dệt may Việt Nam có nhiều điểm mạnh, tạo lợi thế cạnh tranh và mở rộng cơ hội tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Với lực lượng lao động trẻ, chi phí thấp (3.0-3.5 USD/giờ) so với các nước trong khu vực như Trung Quốc (6.5 USD/giờ) và Thái Lan (4.8 USD/giờ), Việt Nam thu hút được nhiều nhà đầu tư quốc tế. Nguồn lao động dồi dào và kỹ thuật hiện đại hóa giúp ngành này đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất lớn cho các thị trường quan trọng như Mỹ và EU. Thêm vào đó, Việt Nam là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) lớn như Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam (EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), tạo thuận lợi cho ngành dệt may nhờ ưu đãi thuế quan và dễ dàng tiếp cận các thị trường tiêu chuẩn cao. Các FTA này cũng thúc đẩy Việt Nam chuyển đổi từ mô hình gia công Cut - Make - Trim (CMT) truyền thống sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm (FOB), thiết kế trên ý tưởng có sẵn, sản xuất (OBM), tự thiết kế, sản xuất (ODM), nâng cao giá trị sản phẩm và giảm bớt sự phụ thuộc vào đối tác quốc tế. Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam vẫn gặp một số điểm yếu đáng kể, cản trở quá trình phát triển bền vững và gia tăng giá trị chuỗi cung ứng. Phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc (chiếm 60-70% nguyên liệu thô), làm tăng rủi ro khi chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn. Bên cạnh đó, năng suất lao động của Việt Nam còn thấp so với các nước phát triển, ảnh hưởng từ thiếu kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, cũng như đào tạo chuyên môn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam vẫn hoạt động theo mô hình CMT, làm giảm giá trị gia tăng và tăng sự phụ thuộc vào đối tác quốc tế về thiết kế và quản lý chuỗi cung ứng. Khả năng đổi mới và xây dựng

thương hiệu riêng của doanh nghiệp dệt may Việt Nam vẫn còn hạn chế, khiến các sản phẩm khó cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Thêm vào đó, nhiều doanh nghiệp chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và lao động, gây khó khăn trong việc thâm nhập các thị trường khắt khe như EU và Mỹ khi xu hướng sản xuất bền vững ngày càng trở nên quan trọng. Với những điểm mạnh và điểm yếu hiện tại, ngành dệt may Việt Nam đang đứng trước cả cơ hội lớn để mở rộng thị trường lẫn những thách thức cần giải quyết để tăng cường tính bền vững và khả năng cạnh tranh.

4.1. Cơ hội

Thứ nhất, ngành dệt may Việt Nam có cơ hội to lớn khi chuỗi cung ứng dệt may dịch chuyển nhiều hơn về Việt Nam do căng thẳng quan hệ thương mại Mỹ - Trung và đại dịch Covid-19. Với tình hình địa - chính trị thế giới vẫn còn nhiều bất ổn, việc các hãng thời trang tìm cách dịch chuyển chuỗi cung ứng dệt may từ Trung Quốc và các quốc gia khác sang Việt Nam nhằm đa dạng nguồn cung ứng là điều dễ hiểu. Việt Nam với vị trí địa lý chiến lược khi nằm ở vị trí huyết mạch của nền kinh tế khu vực nơi có các nền kinh tế phát triển năng động và các thị trường tiêu thụ lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN, sẽ trở thành một điểm đến quan trọng với các doanh nghiệp đang tìm kiếm sự gần gũi với thị trường tiêu thụ nhằm đáp ứng nhanh chóng các nhu cầu thay đổi của thị trường.

Thứ hai, Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều chính sách ưu đãi thuế và hỗ trợ doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong lĩnh vực dệt may để thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài. Việt Nam đã tham gia và đang đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do và là một trong những quốc gia ký kết Hiệp định thương mại tự do với tất cả các đối tác kinh tế lớn trên toàn cầu như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, EU, Anh, Nga. Đặc biệt, chiến lược phát triển ngành Dệt May và Da Giày Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035 được Chính Phủ phê duyệt mới đây sẽ là nền móng thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực sợi - dệt - nhuộm, tạo cơ hội cho ngành dệt may tận dụng ưu đãi từ các Hiệp định.

Thứ ba, đứng trước yêu cầu về Chuyển đổi Xanh ngày càng khắt khe trong ngành dệt may toàn cầu, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cũng tích cực thực hiện xanh hóa, phát triển bền vững, đầu tư hạ tầng cơ sở trong giảm phát thải nhà kính, ... Cùng với đó, doanh nghiệp dệt may Việt Nam cũng đầu tư mạnh về phát triển công nghệ số, tạo minh bạch trong sản xuất kinh doanh. Theo báo cáo của AGTEK (Hội Dệt May Thêu Đan Thành phố Hồ Chí Minh), có đến 50% doanh nghiệp cho biết sẽ chuyển đổi xanh, 36% sẽ chuyển đổi số, 29% sẽ chuyển đổi thị trường, 71% cho biết sẽ sản xuất linh hoạt, đáp ứng đơn hàng nhỏ (Vietnamplus, 2023). Điều này cho thấy, các doanh nghiệp dệt may đều nhận thức được tầm quan trọng của việc chuyển đổi để tồn tại và sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của thị trường.

Thứ tư, cách mạng công nghiệp 4.0 cung cấp thêm nhiều lựa chọn cho doanh nghiệp dệt may ứng dụng các công nghệ mới giúp tăng năng suất và hiệu quả sản xuất. Công nghệ phổ biến nhất của công nghiệp 4.0 sẽ được áp dụng trong các ngành công nghiệp nói chung và ngành dệt may nói riêng là công nghệ số hoá kết hợp với tự động hoá và internet vạn vật nhằm tăng cường tính minh bạch, kiểm soát chất lượng, và cắt giảm chi phí sản xuất. Cũng nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin trong thời kỳ công nghiệp 4.0, sự gắn kết với thị trường,

khách hàng tiềm năng cũng sẽ được cải thiện. Các giải pháp công nghệ này sẽ giúp doanh nghiệp cải thiện năng lực cạnh tranh, tiếp cận nhanh hơn với thị trường toàn cầu.

4.2. Thách thức

Thứ nhất, Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các nước trong khu vực như Bangladesh, Ấn Độ, Myanmar, và các nước Đông Nam Á khác. Các nước này cũng đang tìm cách thu hút các doanh nghiệp dệt may toàn cầu thông qua chính sách ưu đãi thuế, chi phí lao động rẻ, và cải thiện cơ sở hạ tầng. Điều này làm giảm tính cạnh tranh của Việt Nam, đặc biệt là khi những quốc gia này cũng đang hướng đến phát triển xanh và bền vững.

Thứ hai, hiện nay, rất nhiều thị trường nhập khẩu dệt may lớn đưa ra những quy định mới mang tính bắt buộc liên quan tới thẩm định quyền con người và môi trường trong chuỗi cung ứng, quy định thiết kế sinh thái, sản phẩm tái chế, xử lý chất thải. Song, các chính sách cụ thể để xanh hóa ngành dệt may vẫn còn thiếu và chưa triển khai đồng bộ. Quy hoạch, phát triển khu công nghiệp xanh cho ngành sợi, dệt, nhuộm chưa được chi tiết hóa. Khung pháp lý tài chính xanh như thị trường trái phiếu xanh, các công cụ huy động tài chính xanh mới như thị trường carbon chưa được hoàn thiện. Việc theo dõi và đảm bảo tính minh bạch ở tất cả các khâu của chuỗi cung ứng tại Việt Nam lại rất phức tạp và tốn kém.

Thứ ba, sự phát triển của chuyển đổi số và tự động hóa trong ngành dệt may đang ngày càng gia tăng, đặc biệt là ở các thị trường phát triển. Tuy nhiên, tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp vẫn chưa sẵn sàng hoặc không có đủ nguồn lực để đầu tư vào các hệ thống tự động hóa hiện đại. Điều này tạo ra một khoảng cách giữa Việt Nam và các đối tác quốc tế về năng suất lao động và hiệu quả sản xuất. Nếu không nhanh chóng áp dụng công nghệ và chuyển đổi số, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp khó khăn trong việc duy trì và mở rộng thị phần trên thị trường quốc tế.

5. Một số đề xuất dành cho doanh nghiệp Việt Nam nhằm thích ứng với xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu

Thứ nhất, các doanh nghiệp cần cải thiện, tăng cường hiệu quả chuỗi cung ứng của ngành dệt may trong nước một cách toàn diện.

Doanh nghiệp dệt may Việt Nam muốn tận dụng hiệu quả cao nhất các xu hướng tái cấu trúc trong chuỗi cung ứng toàn cầu cần hình thành chuỗi cung ứng bên trong, có sự liên kết hữu cơ giữa các khâu. Một chuỗi cung ứng hoàn chỉnh từ thiết kế - nguyên, phụ liệu - may - phân phối phải được hình thành trong nội bộ ngành. Các doanh nghiệp cần sàng lọc lại nguồn nhân lực, thiết bị công nghệ, đầu tư vào sản xuất nguyên liệu dệt may trong nước cũng như đưa ra các giải pháp nhằm thích ứng với quy trình sản xuất sạch từ nguồn nguyên liệu, gia công đến phân phối, tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường và phát triển bền vững.

Về nguồn nhân lực, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển ngành dệt may Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào yếu tố con người, trình độ lao động, quản lý; vì vậy cần chú trọng nâng cao chất lượng nguồn lao động dệt may trong nước. Tuy có nguồn lao động dồi dào với chi phí nhân công rẻ nhưng Việt Nam vẫn thiếu đội ngũ nhân công có tay nghề, được đào tạo chuyên

sâu do đó dẫn đến năng suất lao động thấp. Ngoài ra, thực tế là đa số đội ngũ nhân viên quản lý trong các doanh nghiệp xuất khẩu dệt may đều từ các ngành nghề khác chuyển sang, tuy có kinh nghiệm quản lý nhưng lại thiếu kiến thức chuyên ngành, từ đó làm giảm hiệu quả kinh doanh. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của ngành dệt may, sự liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp dệt may và các trường chuyên ngành dệt may trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là điều cần thiết.

Về mặt công nghệ, các doanh nghiệp tích cực học hỏi và tích hợp các công nghệ hiện đại có thể giải quyết những vấn đề kỹ thuật phổ biến trong cơ sở dệt may như: xử lý bùn thải, thu hồi nhiệt, tái chế vải vụn, tối ưu hóa sử dụng điện năng, quản lý nhân công và ứng dụng nguyên liệu mới bền vững. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần đẩy mạnh tự động hoá kết hợp với sự giám sát chuyên môn chặt chẽ với các thiết bị như máy cắt thông minh và máy dệt tự động, giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thời gian và chi phí, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm. Ứng dụng công nghệ blockchain hay IoT (Internet of Things) cũng giúp doanh nghiệp theo dõi nguồn gốc và quy trình sản xuất của nguyên liệu một cách minh bạch.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần đầu tư phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng cao và khuyến khích các thương hiệu thời trang nội địa.

Ngành dệt may Việt Nam để bắt kịp với thế giới và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu thì cần cải thiện năng lực sản xuất. Đến nay, đa số doanh nghiệp trong nước vẫn phải nhập khẩu vải và chỉ thực hiện công đoạn gia công xuất khẩu. Các sản phẩm may mặc có chi phí vải chiếm đến 70-80% giá trị thành phẩm, lợi thế cạnh tranh chủ yếu tập trung vào giá nhân công. Để nâng cao năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp may mặc Việt Nam cần phải chuyển đổi dần phương thức sản xuất từ gia công sang phương thức sản xuất cao hơn như FOB, ODM, OBM. Các sản phẩm tự chủ về nguồn nguyên liệu đầu vào và tự sản xuất, thiết kế.

Các doanh nghiệp Việt Nam cần đẩy mạnh đầu tư hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) các dòng sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao như thời trang thông minh, vải kỹ thuật, và các sản phẩm dệt may cao cấp nhằm cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực và thế giới. Thay vì chỉ gia công cho các thương hiệu quốc tế, Việt Nam cần phát triển các thương hiệu thời trang nội địa và tăng cường sản xuất hàng hóa có thương hiệu để nâng cao giá trị và biên lợi nhuận.

Thứ ba, các doanh nghiệp cần giảm thiểu rủi ro phụ thuộc chuỗi cung ứng thông qua việc tiếp cận đa dạng thị trường và xúc tiến thương mại.

Trên cơ sở các hiệp định thương mại tự do quan trọng như EVFTA, CPTPP, các doanh nghiệp cần tận dụng những ưu đãi thuế quan từ các FTA này để gia tăng xuất khẩu vào các thị trường có yêu cầu cao như châu Âu, Mỹ, Nhật Bản. Đồng thời, ngoài những thị trường truyền thống như Mỹ và EU, Việt Nam cần mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng như Trung Đông, châu Phi, và Nam Mỹ để giảm rủi ro từ sự phụ thuộc vào một số thị trường lớn.

Cần nắm bắt xu hướng chuyển đổi xuất khẩu xanh, bền vững, cung cấp thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp tới các cơ quan quản lý và các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài để phân phối có hiệu quả. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ quy định, chính sách của Nhà nước, hướng dẫn của Bộ ngành trong tổ chức sản xuất kinh

doanh và hoạt động xuất nhập khẩu, bảo đảm truy xuất nguồn gốc và quy định của các thị trường xuất khẩu.

6. Kết luận

Xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ với sự dịch chuyển chuỗi cung ứng quay về chính quốc (reshoring), xây dựng chuỗi cung ứng tại các thị trường gần gũi về địa lý (nearshoring), đa dạng chuỗi cung ứng cùng các tiêu chuẩn mới về chuyển đổi chuỗi cung ứng truyền thống sang chuỗi cung ứng bền vững và chuyển đổi chuỗi cung ứng truyền thống sang chuỗi cung ứng số đang diễn ra vô cùng mạnh mẽ, đòi hỏi một sự thích ứng cao về chuyên môn, công nghệ và dòng vốn đầu tư.

Việt Nam là trong những quốc gia có tiềm năng để hưởng lợi từ làn sóng tái cấu trúc này, đặc biệt trong ngành dệt may - ngành hàng mũi nhọn của Việt Nam nhờ vị trí địa lý thuận lợi, chi phí sản xuất tương đối thấp, nguồn nhân lực dồi dào,...Tuy nhiên, các thách thức lớn như chi phí đầu tư vào công nghệ xanh, thiếu nguồn cung nguyên liệu nội địa, cạnh tranh từ các quốc gia khác, và sự thiếu hụt nhân lực có kỹ năng cao đang đặt ra những áp lực đáng kể. Để vượt qua những thách thức này, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam cần chuyển đổi nhanh chóng, ứng dụng công nghệ hiện đại và hướng đến sản xuất bền vững. Ngoài ra, tăng cường hợp tác quốc tế, nâng cao giá trị sản phẩm, và tận dụng tối đa các hiệp định thương mại cũng là những chiến lược quan trọng để ngành dệt may Việt Nam phát triển bền vững và cạnh tranh trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

Sự linh hoạt, đổi mới và đầu tư dài hạn sẽ là yếu tố quyết định để các doanh nghiệp Việt Nam có thể thích ứng với những thay đổi trong chuỗi cung ứng và duy trì vị thế trên thị trường dệt may quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tham khảo tiếng Anh

Abudaqa, A., Hilmi, M. F., Dahalan, N. & AlMujaini, H. (2020). “Impact of supply chain integration and intelligent information systems in achieving supply chain innovation: A study of retail trading SMEs in Abu Dhabi, UAE”, *Uncertain Supply Chain Management*, pp. 721–728.

Attia, A. (2023). “Effect of Sustainable Supply Chain Management and Customer Relationship Management on Organizational Performance in the Context of the Egyptian Textile Industry”, *Sustainability*, Vol. 15 No. 5, pp. 4072.

Batool, K. & Akbar, M. (2023). “Examining the Key Elements of Green Supply Chain Management and its effects on the Organizational Performance: A Textile Industry Case Study”, *Pakistan Journal of Humanities and Social Sciences*, Vol. 11 No. 1.

Birch, S. (2022). “Deloitte: Delivering the Sustainable Enterprise”, Available at: <https://sustainabilitymag.com/company-reports/deloitte-enterprise-performance-on-delivering-the-sustainabl> (Accessed: 10 September 2024).

Bowersox, D.J., Closs, D.J. & Cooper, M.B. (2012). *Supply Chain Logistics Management*. McGraw-Hill Education.

Brown, J. (2023). “Emerging Technologies in Textile Supply Chains”, *Technology and Innovation Management Journal*.

Cannas, V.G. et al. (2024). “Artificial intelligence in supply chain and operations management: a multiple case study research”, *International Journal of Production Research*, Vol. 62 No. 9, pp. 3333–3360.

Carter, C.R. & Rogers, D.S. (2008). “A framework for sustainability in supply chain management”, *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, Vol. 38 No. 5, pp. 360-387.

Chang, J.H, Rynhart, G. & Huynh, P. (2016). “ASEAN in transformation: textiles, clothing and footwear: refashioning the future”, Available at: https://www.ilo.org/sites/default/files/wcmsp5/groups/public/@ed_dialogue/@act_emp/documents/publication/wcms_579560.pdf (Accessed: 08 September 2024).

Christopher, M. (2016). *Logistics & Supply Chain Management*. Pearson UK.

De Vass, T., Shee, H. & Miah, S.J. (2021) “Iot in supply chain management: a narrative on retail sector sustainability”, *International Journal of Logistics Research and Applications*, Vol. 24 No. 6, pp. 605–624.

European Commission. (n.d.). Corporate Social Responsibility. Available at: https://ec.europa.eu/growth/industry/sustainability/corporate-social-responsibility_en (Accessed: 10 September 2024).

Everledger. (n.d.). Technology. Available at: <https://everledger.io/technology/> (Accessed: 10 September 2024).

Gonzálvez-Gallego, N., Molina-Castillo, F.-J., Soto-Acosta, P., Varajao, J. & Trigo, A. (2015). “Using integrated information systems in supply chain management”, *Enterprise Information Systems*, Vol. 9 No. 2, pp. 210–232.

Grant, S.B. (2005). “Supply chain restructuring in UK aerospace”, *Marketing Management Journal*.

Harrison, A. & van Hoek, R. (2014). *Logistics Management and Strategy: Competing through the supply chain*, Pearson Education.

Hasan, I. & Habib, M. (2023) “The Evolution from Traditional to Digital Supply Chain Management”, *International Supply Chain Technology Journal*, Available at: <https://www.semanticscholar.org/paper/The-Evolution-from-Traditional-to-Digital-Supply-Hasan-Habib/c1fcef7f6d35344988d7be283e0a329e33518e5> (Accessed: 29 December 2024).

Heizer, J., Render, B. & Munson, C. (2017). *Operations Management: Sustainability and Supply Chain Management*. Pearson.

Hoi, H.V. & Minh, N.T. (2022). “Assessing the impact of EVFTA on Vietnam’s textile and garment exports to the UK”, *International Journal of Professional Business Review*, Vol. 7 No. 2, pp. e0426.

McKinsey & Company. (2023). *The State of Fashion 2023: Holding on to growth as global clouds gather*, Available at: <https://www.mckinsey.com/~media/mckinsey/industries/retail/our%20insights/state%20of%20fashion/2023/the-state-of-fashion-2023-holding-onto-growth-as-global-clouds-gathers-vf.pdf>

NielsenIQ, 2021. “How authentic brand building wins over consumers and grows your bottom line” Available at: <https://nielseniq.com/global/en/insights/commentary/2021/how-authentic-brand-building-wins-over-consumers-and-grows-your-bottom-line/> (Accessed 29 December 2024).

International Labour Organization. (2022). “Employment, wages and productivity trends in the Asian garment sector: Data and policy insights for the future of work”, Available at: https://www.ilo.org/sites/default/files/wcmsp5/groups/public/@asia/@ro-bangkok/documents/publication/wcms_848624.pdf (Accessed: 08 September 2024).

International Labour Organization. (2019). “The future of work in textiles, clothing, leather and footwear”, Available at: <https://www.ilo.org/publications/future-work-textiles-clothing-leather-and-footwear> (Accessed: 08 September 2024).

Johnson, L. (2022). “Impact of COVID-19 on Global Supply Chains”, *Journal of Supply Chain Management*.

Kembro, J., Näslund, D. & Olhager, J. (2017). “Supply chain management research: A review and research agenda”, *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management*, Vol. 47 No. 8, pp. 672-693.

Knizek, C., Jenner, Dr.F. & Dharmani, S. (2022). “Why global industrial supply chains are decoupling”, Available at: https://www.ey.com/en_rs/automotive-transportation/why-global-industrial-supply-chains-are-decoupling (Accessed: 06 September 2024).

Kopczak, L.R. (1997). “Logistics partnerships and supply chain restructuring: Survey results from the U.S. computer industry”, *Production and Operations Management*, Vol. 6 No. 3, pp. 226–247.

Kumar, B. (2022). “What is the China-plus-one strategy?”, *Business Standard*, 26 July. Available at: https://www.business-standard.com/podcast/international/what-is-the-china-plus-one-strategy-122072600052_1.html.

Kumar, S. & Gupta, R. (2022). “Strategies for supply chain resilience during the pandemic”, *Operations Management Review*.

Le, T. & Nguyen, H. (2024). “Optimizing textile supply chains in Vietnam”, *Journal of Vietnamese Business Studies*.

Liu, X. et al. (2022) “Trends and challenges on fruit and vegetable processing: Insights into sustainable, traceable, precise, healthy, intelligent, personalized and local innovative food products”, *Trends in Food Science & Technology*, Vol. 125, pp. 12–25.

Maeno, K. (2023). “Identifying critical sectors in the restructuring of low-carbon global supply chains”, *Energy Economics*, 127, p. 107025.

Maeno, K., Tokito, S. & Kagawa, S. (2022). “CO2 mitigation through global supply chain restructuring”, *Energy Economics*, Vol. 105, pp. 105768.

MacCarthy, B.L. et al. (2016) “Supply chain evolution – theory, concepts and science”, *International Journal of Operations & Production Management*, Vol. 36 No. 12, pp. 1696–1718.

McKinsey & Company. (2018). “Is apparel manufacturing coming home? Nearshoring, automation, and sustainability – establishing a demand-focused apparel value chain”, Available at: https://www.mckinsey.com/~media/mckinsey/industries/retail/our%20insights/is%20apparel%20manufacturing%20coming%20home/is-apparel-manufacturing-coming-home_vf.pdf (Accessed: 08 September 2024).

McKinsey & Company. (2023). “The State of Fashion 2023: Holding on to growth as global clouds gather”. Available at: <https://www.mckinsey.com/~media/mckinsey/industries/retail/our%20insights/state%20of%20fashion/2023/the-state-of-fashion-2023-holding-onto-growth-as-global-clouds-gathers-vf.pdf>

Milon, B. (2024). “What is nearshoring and why it's important for US companies”, Available at: <https://www.ilscompany.com/what-is-nearshoring/> (Accessed: 08 September 2024).

Moser, H. (2022). “Reshoring Initiative”, Available at: https://reshorenw.org/content/pdf/2022_Data_Report.pdf (Accessed: 29 December, 2024).

NielsenIQ, 2021. “How authentic brand building wins over consumers and grows your bottom line”, Available at: <https://nielseniq.com/global/en/insights/commentary/2021/how-authentic-brand-building-wins-over-consumers-and-grows-your-bottom-line/> (Accessed: 29 December 2024).

Nguyen, T. (2024). “Opportunities and challenges for Vietnamese textile industry in global supply chain restructuring”, *Vietnam Textile Review*.

Noble, P.J. (2024). “Navigating the new era: How strategic nearshoring is essential for supply chain resilience amidst geopolitical disruptions”, *Forbes*, 1 February. Available at: <https://www.forbes.com/sites/paulnoble/2024/02/01/navigating-the-new-era-how-strategic-nearshoring-is-essential-for-supply-chain-resilience-amidst-geopolitical-disruptions/>.

Optimas. (2021). “How Onshore Manufacturing Secures the Supply Chain” Available at: <https://optimas.com/blog/how-onshore-manufacturing-secures-the-supply-chain/>. (Accessed: 10 September, 2024)

Oubrahim, I., Sefiani, N. & Happonen, A. (2023). “The Influence of Digital Transformation and Supply Chain Integration on Overall Sustainable Supply Chain Performance: An Empirical Analysis from Manufacturing Companies in Morocco”, *Energies*, Vol. 16 No. 2, pp. 1004.

Pal, S. (2023). “Integrating AI in Sustainable Supply Chain Management: A New Paradigm for Enhanced Transparency and Sustainability”, *International Journal for Research in Applied Science and Engineering Technology*, Vol. 11 No. 6, pp. 2979–2984.

Pham, H. (2024). “Managing risks in textile supply chains: Strategies and best practices” *Risk Management Journal*.

Priya, T. & Vivek, N. (2016). “Restructuring the agricultural supply chain”, *International Journal of Business Innovation and Research*, Vol. 10 No. 1, pp. 135.

Rahaman, Md.T. et al. (2021), “COVID-19 Pandemic and the Future of China-Plus-One Strategy in Apparel Trade: A Critical Analysis from Bangladesh-Vietnam Point of View”, *Open Journal of Business and Management*, Vol. 9 No. 5, pp. 2183–2196.

Runde, D.F. & Ramanujam, S.R. (2024). “Recovery with resilience: Diversifying supply chains to reduce risk in the global economy”, Available at: <https://www.csis.org/analysis/recovery-resilience-diversifying-supply-chains-reduce-risk-global-economy> (Accessed: 04 September 2024).

Reyes, V. et al. (2022). “Competing for talent: Recasting perceptions of manufacturing”, *Deloitte*, 30 March. Available at: <https://www2.deloitte.com/us/en/insights/industry/manufacturing/competing-for-manufacturing-talent.html>.

Statista. (2023). Companies reshoring by tech level 2010-2022. Available at: <https://www.statista.com/statistics/749921/share-of-manufacturing-companies-engaged-in-reshoring-by-product-technology-level-us/>. (Accessed: September 12, 2024).

Savoy, C.M. and Ramanujam, S.R. (2024). Diversifying supply chains: The role of government and private sector actors in reducing risk. Available at: <https://www.csis.org/analysis/diversifying-supply-chains-role-government-and-private-sector-actors-reducing-risk> (Accessed: 10 September 2024).

Schindler, S. (2020). “The respatialization of the state: New regulatory architectures for globalizing commodity chains”, *Political Geography*, Vol. 89, pp. 102230.

Silverman, B. (2024). “Nearshoring: Strategies for the future of US-Mexico trade relations”, *International Trade Journal*.

Smith, A., 2023. “Global Supply Chain Trends and Their Impacts on the Textile Industry”, *International Journal of Textile Science*.

Stroumpoulis, A. & Kopanaki, E. (2022), “Theoretical Perspectives on Sustainable Supply Chain Management and Digital Transformation: A Literature Review and a Conceptual Framework”, *Sustainability*, Vol. 14 No. 8, pp. 4862.

Tan, C.L. et al. (2023). “Nexus among blockchain visibility, supply chain integration and supply chain performance in the digital transformation era”, *Industrial Management & Data Systems*, Vol. 123 No. 1, pp. 229–252.

Tayal, D.K., Yadav, S.K. & Arora, D. (2023). “Personalized ranking of products using aspect-based sentiment analysis and Plithogenic sets”, *Multimedia Tools and Applications*, Vol. 82 No. 1, pp. 1261–1287.

The World Bank. (2024). “Vietnam - Reshaping global value chains in the wake of COVID-19”, Available at: <https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/848846211464231700/vietnam-reshaping-global-value-chains-in-the-wake-of-covid-19> (Accessed: 06 September 2024).

WTO. (2023). World Trade Statistical Review 2023. Available at: https://www.wto.org/english/res_e/statis_e/wts2023_e/wts23_toc_e.htm (Accessed: 08 September 2024).

Wyck, J.V. et al. (2023). “Harnessing the Tectonic Shifts in Global Manufacturing”, *BCG Global*. Available at: <https://www.bcg.com/publications/2023/harnessing-tectonic-global-shift-in-manufacturing>.

Xu, S., Langro, V. & Lu, S. (2023), “Global restructuring of textile supply chains: Challenges and opportunities”, *International Journal of Global Business and Competitiveness*, Vol. 28 No. 3, pp.45-68.

Tài liệu tham khảo tiếng Việt

Brands Vietnam. (2022). “Nghiên cứu: IBM - Yếu tố bền vững môi trường trở nên quan trọng hơn đối với người tiêu dùng”, *Brands Vietnam*., <https://www.brandsvietnam.com/congdong/topic/324777-nghien-cuu-ibm-yeu-to-ben-vung-moi-truong-tro-nen-quan-trong-hon-doi-voi-nguoi-tieu-dung>

Bùi (2023). “Nghiên cứu khả năng xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng và xây dựng hệ thống kết nối trong lĩnh vực da giày, dệt may và trong công nghiệp chế biến của Việt Nam để tận dụng hiệp định CPTPP”, Có sẵn tại: <https://vioit.vn/nghien-cuu-kha-nang-xay-dung-va-phat-trien-chuoi-cung-ung-va-xay-dung-he-thong-ket-noi-trong-linh-vuc-da-giay-det-may-va-trong-cong-nghiep-che-bien-cua-viet-nam-de-tan-dung-hiep-dinh-cptpp.html> (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Công nghiệp Công nghệ Cao (2019). “Phát triển ngành dệt may trong CMCN 4.0 - Không tự động hóa bằng mọi giá”, Có sẵn tại: <https://congnghiepcongnghecao.com.vn/tin-tuc/t22053/phat-trien-nganh-det-may-trong-cmcn-4-0--khong-tu-dong-hoa-bang-moi-gia-.html> (Truy cập: 10 tháng 9 2024).

Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương (2021). “Xu hướng phát triển của ngành dệt may Việt Nam”, Có sẵn tại: <https://vsi.gov.vn/vn/tin-cong-nghiep-ho-tro/xu-huong-phat-trien-cua-nganh-det-may-viet-nam-c1id1872.html> (Truy cập: 4 tháng 9 2024).

Cổng thông tin điện tử Cục Công nghiệp (2022). Có sẵn tại: <https://via.gov.vn/linh-vuc-cong-nghiep-che-bien-che-tao/nganh-det-may-thay-doi-tam-the-de-phat-trien-ben-vung-hon.htm> (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Hoàng (2011). “Dệt, may tìm đường về tỉnh. Tạp chí Kinh tế Sài Gòn, 5 July”, Có sẵn tại: <https://thesaigontimes.vn/det-may-tim-duong-ve-tinh/> (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Khuê - V. (2023). “Số hóa để dệt may tạo lợi thế cạnh tranh mới”, *Nhịp sống kinh tế Việt Nam & Thế giới*. Có sẵn tại: <https://vneconomy.vn/so-hoa-de-det-may-tao-loi-the-cananh-tranh-moi.htm> (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Lâm Nguyên (2023). “Dệt may Việt Nam chủ động, linh hoạt thích ứng với thị trường”, Có sẵn tại: https://www.vietnamplus.vn/det-may-viet-nam-chu-dong-linh-hoat-thich-ung-voi-thi-truong-post914772.vnp#google_vignette (Truy cập: 4 tháng 9 2024).

Lê & Lê. (2023). “Đẩy mạnh phát triển ngành dệt may Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo - Bộ Kế hoạch và Đầu tư*, Có sẵn tại: <https://kinhtevadubao.vn/day-manh-phat-trien-nganh-det-may-viet-nam-27425.html> (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Nguyễn, B.L. (2022). “Tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu: Nhận diện xu hướng, thách thức và giải pháp cho Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.

NielsenIQ, (2024). “Báo cáo xu hướng tiêu dùng 2024: Từ Nielsen IQ - Lòng trung thành của người tiêu dùng lung lay vì nhu cầu cắt giảm chi tiêu”, Có sẵn tại: <https://marketingai.vn/bao-caoxu-huong-tieu-dung-2024-tu-nielsen-iq-long-trung-thanh-cua-nguoi-tieu-dung-lung-lay-vi-nhu-cau-cat-giam-chi-tieu-194240329155559996.htm> (Truy cập: 10 tháng 9 2024).

Tạp chí Công Thương, (2023). “Giải pháp phát triển thị trường khoa học - công nghệ cho ngành dệt may trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0”, Có sẵn tại: <https://tapchicongthuong.vn/giai-phap-phat-trien-thi-truong-khoa-hoc--cong-nghe-cho-nganh-det-may-trong-boi-canah-cach-mang-cong-nghiep-4-0-123693.htm> (Truy cập: 10 tháng 9 2024).

Tạp chí Tài chính Doanh nghiệp (2022). “Nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may, da, giày từ Trung Quốc chiếm 53%”, Có sẵn tại: <https://taichinhdoanhnghiep.net.vn/nhap-khau-nguyen-phu-lieu-det-may-da-giay-tu-trung-quoc-chiem-53-d31412.html> (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Trung tâm WTO (2022). “Chuyển sản xuất về gần: Hóa giải vấn đề logistics ở Mỹ”, Có sẵn tại: <https://trungtamwto.vn/tin-tuc/20426-chuyen-san-xuat-ve-gan-hoa-giai-van-de-logistics-o-my> (Truy cập: 5 tháng 9 2024).

Trung tâm WTO (2022). “Tái định hình chuỗi cung ứng toàn cầu: nhận diện xu hướng, thách thức và giải pháp cho Việt Nam”, Có sẵn tại: <https://trungtamwto.vn/thi-truong-duc/tin->

tuc/21088-tai-dinh-hinh-chuoi-cung-ung-toan-cau-nhan-dien-xu-huong-thach-thuc-va-giai-phap-cho-viet-nam (Truy cập: 6 tháng 9 2024).

Trung tâm WTO (2023). “Ngành dệt may bút phá kỷ lục về thị trường xuất khẩu trong năm 2023”, Có sẵn tại: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/25010-nganh-det-may-but-pha-ky-luc-ve-thi-truong-xuat-khau-trong-nam-2023> (Truy cập: 4 tháng 9 2024).

Tập đoàn Dệt may Việt Nam (2022). Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2022, một số nhiệm vụ năm 2023.

Quân đội nhân dân (2023). “Ngành dệt may đột phá về thị trường xuất khẩu”, Có sẵn tại: <https://www.qdnd.vn/kinh-te/tin-tuc/nganh-det-may-dot-pha-ve-thi-truong-xuat-khau-752649> (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Vinatex, (2024). “Phát triển bền vững với ngành dệt may Việt Nam qua góc nhìn chuyên gia”, Có sẵn tại: <https://vinatex.com.vn/phat-trien-ben-vung-voi-nganh-det-may-viet-nam-qua-goc-nhin-chuyen-gia/> (Truy cập: 10 tháng 9 2024).

VnEconomy, 2023. “Zara, H&M, Nike đồng loạt cam kết về thời trang bền vững”, Có sẵn tại: <https://vneconomy.vn/zara-hm-nike-dong-loat-cam-ket-ve-thoi-trang-ben-vung.htm> (Truy cập: 9 tháng 12 năm 2024).

Vietnamplus (2023). “Dệt may Việt Nam chủ động, linh hoạt thích ứng với thị trường”, Có sẵn tại: <https://www.vietnamplus.vn/det-may-viet-nam-chu-dong-linh-hoat-thich-ung-voi-thi-truong-post914772.vnp>. (Truy cập: 9 tháng 9 2024).

Synex, (2024). “Vải tái chế: Xu hướng thời trang bền vững”, Có sẵn tại: <https://synex.vn/vai-tai-che/> (Truy cập: 29 tháng 12 năm 2024).